

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **64**/2018/HSST

Ngày 07/02/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bàn Văn Chanh và bà Cầm Thị Đoà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Nga, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Sa Văn Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 59/2018/HSST ngày 26 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2017/HSST-QĐ ngày 26 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lường Trung T1, sinh ngày 04 tháng 3 năm 1993 tại xã T, huyện V, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Tiểu khu B, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Thợ hàn; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lường Minh T2 và bà Vì Thị N1 (Đều đã chết); bị cáo có vợ là Vì Thị N2 và có 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/11/2017 đến nay. Có mặt.

- Bị hại: Anh Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1986; Nơi đăng ký HKTT: Tiểu khu B, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La. Chỗ ở hiện nay: Tiểu khu K, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Chị Lường Thị Thu P, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tiểu khu B, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Anh Nguyễn Như Đ, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tiểu khu B, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 11/2017 Lường Trung T1 đến làm thuê cho gia đình anh Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1986, nơi đăng ký HKTT: Tiểu khu B, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La, chỗ ở hiện nay: Tiểu khu K, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La. Khoảng 08 giờ

ngày 26/11/2017 anh T2 và vợ là Vì Thị N đi ăn cưới tại tiểu khu xx, thị trấn N, huyện M nên anh T2 bảo với T1 là trông nhà cho vợ chồng anh T2 đi ăn đám cưới. Sau khi vợ chồng anh T2 đi ra khỏi nhà khoảng 01 giờ đồng hồ thì T1 nảy sinh ý định lấy chiếc xe máy hiệu YAMAHA – Jupiter – BKS:26F8-3015 (Chiếc xe máy này anh T2 thường xuyên giao cho T1 để đi làm) đang để trong nhà mang đi bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. T1 đã lấy chùm chìa khóa xe máy ở tủ bếp và lấy 01 đăng ký xe máy mang tên Hồ Quang T3 ở trong ví để tại giường ngủ của gia đình anh T2 rồi điều khiển xe máy đến cửa hàng mua bán xe máy của anh Nguyễn Như Đ, sinh năm 1981, trú quán: Tiểu khu B, thị trấn N, huyện M bán với giá 4.500.000đ. Đến 12 giờ cùng ngày T1 đi xe khách về Hà Nội, khoảng 16h 30 phút T1 ngồi ở quán nước tại khu V, quận H, thành phố Hà Nội mua ô số lô, ô số đề của một người phụ nữ không biết tên hết 3.700.000đ. Đến 11h ngày 27/11/2017 T1 chơi điện tử ở quận H hết tiền bán xe máy nên đón xe khách về M. Đến ngày 28/11/2017 thì bị Công an huyện Mộc Châu triệu tập đến làm việc và Lương Trung T1 đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của bản thân.

Ngày 26/11/2017 và ngày 29/11/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã tiến hành thu giữ của Nguyễn Như Đ 01 xe máy hiệu YAMAHA – Jupiter – BKS:26F8-3015; 01 đăng ký xe máy mang tên Hồ Quang T3; 01 giấy mua bán xe máy giữa Lương Trung T1 và Nguyễn Như Đ.

Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Mộc Châu định giá 01 chiếc xe máy hiệu YAMAHA – Jupiter – BKS:26F8-3015 có giá trị 7.000.000đ. Ngày 17/01/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã tiến hành giao trả 01 xe máy hiệu YAMAHA – Jupiter – BKS:26F8-3015 và 01 đăng ký xe máy mang tên Hồ Quang T3 cho anh Nguyễn Ngọc T2.

Tại bản cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 25/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu đã truy tố bị cáo với nội dung: Truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Mộc Châu để xét xử đối với bị can Lương Trung T1 về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu phát biểu ý kiến giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lương Trung T1 phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Áp dụng các căn cứ pháp luật để xử phạt bị cáo như sau.

1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 140; điểm b, p, h khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về bồi thường dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận việc chị Lương Thị Thu P đã bồi thường cho anh Nguyễn Như Đ số tiền 4.500.000đ. Chấp nhận việc anh Nguyễn Ngọc T2 và chị Lương Thị Thu P không yêu cầu bị cáo Lương Trung T1 phải bồi thường dân sự.

3. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí nội dung cáo trạng đã truy tố cũng như nội dung bản luận tội, bị cáo không có tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lương Trung T1 giữ nguyên lời khai như đã khai tại Cơ quan điều tra, bị cáo không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì. Bị cáo hoàn toàn nhất trí với hành vi phạm tội như bản cáo trạng truy tố. Bị cáo khẳng định việc khai báo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc bị cáo đã thực hiện.

Xét lời khai của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với đơn trình báo của người bị hại, người làm chứng, biên bản tạm giữ đồ vật, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận:

Ngày 26/11/2017 sau khi được anh Nguyễn Ngọc T2 giao cho trông coi nhà cửa và tài sản, Lương Trung T1 đã lấy 01 chiếc xe máy hiệu YAMAHA – Jupiter – BKS:26F8-3015 có giá trị 7.000.000đ mang đi bán cho anh Nguyễn Như Đ lấy 4.500.000đ để chi tiêu cá nhân hết dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản. Hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự, quy định mức hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo nhận thức rõ việc lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Do vậy, cần quyết định hình phạt nghiêm khắc và phù hợp với hành vi phạm tội nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo cũng cần xem xét, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại do hành vi chiếm đoạt tài sản gây ra. Do đó cần áp dụng các điểm b, p, h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo phần nào.

[3] Về hình phạt bổ sung (*phạt tiền*): Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa cho thấy, bị cáo không có tài sản riêng gì có giá trị. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Về bồi thường dân sự:

Đối với số tiền 3.000.000đ anh Nguyễn Ngọc T2 khai báo bị cáo Lường Trung T1 đã lấy số tiền trên cùng chiếc xe máy hiệu YAMAHA – Jupiter – BKS:26F8-3015 và 01 đăng ký xe máy mang tên Hồ Quang T3. Quá trình điều tra không đủ căn cứ chứng minh Lường Trung T1 đã lấy 3.000.000đ của anh Nguyễn Ngọc T2. Vì vậy không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự và buộc Lường Trung T1 phải bồi thường. Anh Nguyễn Ngọc T2 không yêu cầu bị cáo T1 phải bồi thường dân sự.

Ngày 04/01/2018 chị Lường Thị Thu P là chị gái của Lường Trung T1 đã tiến hành bồi thường cho anh Nguyễn Như Đ số tiền 4.500.000đ. Ngoài ra anh Nguyễn Như Đ không có yêu cầu hay đề nghị gì khác.

[5] Về vật chứng của vụ án:

Đối với việc Cơ quan CSĐT Công an huyện Mộc Châu đã làm thủ tục giao trả 01 xe máy hiệu YAMAHA – Jupiter – BKS:26F8-3015; 01 đăng ký xe máy mang tên Hồ Quang T3 cho anh Nguyễn Ngọc T2 quản lý, sử dụng là đúng quy định của pháp luật, do đó không đề cập đến việc xử lý.

Đối với số tiền bán xe máy mà có bị cáo T1 đã dùng 3.700.000đ mua ô số lô, ô số đề của một người phụ nữ không biết tên tại khu V, quận H, thành phố Hà Nội và chơi điện tử ở quận H hết, quá trình điều tra không có đủ căn cứ xác định danh tính các đối tượng trên để tiến hành điều tra và truy thu số tiền nêu trên.

[6] Đối với Nguyễn Như Đ quá trình điều tra xác định khi mua xe máy của Lường Trung T1, anh Đức không biết là tài sản do T1 phạm tội mà có nên không đề cập đến biện pháp xử lý.

[7] Đối với người phụ nữ không quen biết đã bán ô số lô, ô số đề cho Lường Trung T1, do T1 không biết lai lịch, địa chỉ nên không có căn cứ để xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lường Trung T1 phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 140; điểm b, p, h khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Lường Trung T1 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án 07/02/2018.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (Phạt tiền) đối với bị cáo.

2. Về bồi thường dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015:

Chấp nhận việc chị Lường Thị Thu P đã bồi thường cho anh Nguyễn Như Đ số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu, năm trăm nghìn đồng).

Chấp nhận việc anh Nguyễn Ngọc T2 và chị Lường Thị Thu P không yêu cầu bị cáo Lường Trung T1 phải bồi thường dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lương Trung T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng chẵn).

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- Viện KSND Mộc Châu;
- Công an huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS Mộc Châu;
- Trại giam;
- THA H/S;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Triệu Văn Quang